**KHỐI LỚP 9**

**BÀI HỌC TUẦN 1 (6/9/20021)**

**ÔN TẬP CÂU BỊ ĐỘNG**

**\*\*\*\***

**1. Định nghĩa câu bị động**

- Câu bị động được dùng khi muốn nhấn mạnh đến đối tượng chịu tác động của hành động hơn là bản thân hành động đó. ***Thì của động từ ở câu bị động*** phải được chia theo thì của động từ ở câu chủ động.

- Ví dụ:

**The** **cake** is made by **my little brother** (Chiếc bánh này được làm bởi em trai của tôi)

Trong câu này, tác giả muốn truyền đạt nhấn mạnh hành động chiếc bánh này được làm bởi em trai.

**2. Điều kiện biến đổi câu bị động:**

- Động từ (verb) trong câu chủ động phải là Transitive Verb (**ngoại động từ -** phải có tân ngữ phía sau)

**3. Cấu trúc:**

S + (V) + O…

* S + (Be) + V3/ Ved + by O…

Lưu ý: “be” chia theo thì của động từ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tense (thì)** | **Chủ động (Active)** | **Bị động (Passive)** |
| 1. The present simple (Thì hiện tại đơn) | S + V (s/es) + O | S + am/ is/ are + V3/Ved + (by O) |
| 2. The present continuous (Thì hiện tại tiếp diễn) | S + am/ is/ are + V-ing + O | S + am/ is/ are + being + V3/VED + (by O) |
| 3. The present perfect (Thì hiện tại hoàn thành) | S + have/ has + V3/VED + O | S + have/ has + been + V3/VED + (by O) |
| 4. The simple past (Thì quá khứ đơn) | S + V-ed + O | S + was/ were + V3/VED + (by O) |
| 5. The past continuous (Thì quá khứ tiếp diễn) | S + was/ were + V-ing | S + was/ were + being + V3/VED + (by O) |
| 6. The past perfect (Thì quá khứ hoàn thành) | S + had + V3/VED + O | S + had been + V3/VED + (by O) |
| 7. The simple future ( Thì tương lai đơn) | S + will/ shall + V + O | S + will/ shall be + V3/VED + (by O) |
| 8. The simple continuous (Thì tương lai tiếp diễn) | S + will/ shall + be + V-ing + O | S + will/ shall + be + being + V3/VED + (by O) |
| 9. The near future (Thì tương lai gần) | S + be going to + V + O | S + be going to + be + V3/VED + (by O) |
| 10. Modal verbs (can, could, should, shall, may, might, must,…) | S + Modal + V-bare Inf + O | S + Modal + be + V3/VED + (by O) |

* **Các lưu ý**

 ♦ Khi câu chủ động có hai tân ngữ ta có thể chuyển thành 2 câu bị động hoặc chọn một trong hai tân ngữ làm chủ ngữ nhưng ưu tiên tân ngữ chỉ người

 ♦ Có thể bỏ by me/ by him/ by her/ by it/ by us/ by you/ by them/ by someone/ by somebody/ by people khi chuyển sang câu bị động.

 ♦ Với câu chủ động có trạng ngữ chỉ nơi chốn thì đặt trạng ngữ chỉ nơi chốn trước by O.

 ♦ Với câu chủ động có trạng ngữ chỉ thời gian thì ngược lại đặt trạng ngữ chỉ thời gian sau by O.

 ♦ Với câu chủ động có cả trạng ngữ chỉ nơi chốn và trạng ngữ chỉ thời gian thì chuyển sang câu bị động vị trí sắp xếp các trạng ngữ phải tuân theo quy tắc:

**S  +  be  + Vpp  + địa điểm + by O  +  thời gian**

 ♦ Các động từ:  ask/ tell/ give/ send/ show/ teach/ pay/ offer… thường có hai tân ngữ.

 ♦ Khi chủ ngữ trong câu chủ động là phủ định (no one, nobody, none of… ) thì khi chuyển sang câu bị động, chúng ta chia động từ bị động ở dạng phủ định

**E.g: No one can wear this skirt.**

-->This skirt cannot be worn.

### BÀI TẬP CÂU BỊ ĐỘNG

**Exercise 1: Turn these sentences into passive**

1. Tom will visit his parents next month

2. Her mother is preparing the dinner in the kitchen

3. She will have Peter wash her car tomorrow

4. My father waters this flower every morning.

5. John invited Fiona to his birthday party last night

6. They are pulling down the old theatre

7. The organizers will exhibit the paintings till the end of the month

8. The burglars had cut an enormous hole in the steel door

9. People must not leave their bikes in the hall

10. Someone repaired her car yesterday

11. The teacher always welcomes new students.

12. People speak English all over the world.

13. Thomas Edison invented the phonograph in 1877.

14. The police found two children in the forest.

15. They will send your order as soon as possible.

16. The scientists are studying the problem carefully.

17. Pat Murphy was riding the horse.

18. The police have just arrested the robbers.

19. Sue told us she had born her baby.

20. They can use this room after 5 p.m.

**Exercise 2: Turn these sentences into passive**

1. Do they teach English here?

2. Will you invite her to your wedding party?

3. Has Tom finished the work?

4. Did the teacher give some exercises?

5. Have they changed the window of the laboratory?

6. What books are people reading this year?

7. How did the police find the lost man?

8. Who look after the children for you?

9. How long have they waited for the doctor?

10. What time can the boys hand in their papers?

**Exercise 3: Give the correct form of words in following sentences**

1. Toshico had her car (repair) .............. by a mechanic.

2. Ellen got Marvin (type) ..................her paper.

3. We got our house (paint) .................. last week.

4. Dr Byrd is having the students (write ) ................... a composition.

5. Mark got his transcripts (send)................... to the university.

**Exercise 4: Rewrite each sentence so that it contains the word capitals**

1. Candidates may not use the dictionaries (BY)

2. People said that the President was killed by a mad man (IT)

3. I didn’t realize that someone was recording our conversation (BEING)

4. They asked me some difficult questions at the interview (I)

5. I am going to move my things next week (BE)

**Exercise 5: Turn these sentences into passive**

1. They have her tell the story again

2. John gets his sister to clean his shirt

3. Anne had had a friend type her composition

4. Rick will have a barber cut his hair

5. I will get the dressmaker to make a new dress

6. He had a mechanic repair his car

7. She often gets the technician to maintain the heater

8. People consider that she was the best singer that Australia has ever produced.

9. It is expected that the weather will be good tomorrow.

10. A lot of people believe that the Prime Minister and his wife have separated.

THE END